



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 4/TĐTKT-TG

CQ Thống kê ghi

Cơ sở số:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật thống kê.

- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

Nguyên tắc điền phiếu

- Không ghi thông tin vào các ô có dấu (X)
- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, đề nghị khoanh tròn vào một mã số tương ứng câu trả lời thích hợp nhất;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu đề nghị ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương.....

Huyện/ Quận (Thị xã/TP thuộc tỉnh).....

Xã/ Phường/Thị trấn.....

1. Tên cơ sở

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Tên giao dịch (nếu có)

2. Địa chỉ của cơ sở:

Số nhà, đường phố, thôn ấp, bản.....

Số điện thoại :

Mã khu vực

--	--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--

Số fax :

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

Email :

Họ và tên người trả lời phiếu:

Số điện thoại liên hệ:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ

A1. Thông tin về người đứng đầu cơ sở

- Họ và tên (viết chữ in hoa)

- Phẩm sắc trong tôn giáo hiện nay.....

- Giới tính:

1 Nam

2 Nữ

Năm sinh

--	--	--	--

CQ Thống kê ghi

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"

--	--

- Quốc tịch (Nếu có hai quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất).....

--	--

- Trình độ chuyên môn đào tạo (ghi theo bằng/ giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có)

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| 1 Chưa qua đào tạo | 6 Đại học và tương đương |
| 2 Đào tạo dưới 3 tháng | 7 Thạc sỹ và tương đương |
| 3 Sơ cấp và tương đương | 8 Tiến sỹ và tương đương |
| 4 Trung cấp và tương đương | 9 Trình độ khác (ghi rõ...) |
| 5 Cao đẳng và tương đương | |

A2. Hoạt động chính của cơ sở

CQ Thống kê ghi

--	--	--	--	--

(VSIC 2007-5 số)

A3. Loại cơ sở

A3.1. Cơ sở tôn giáo

- | | | | |
|--------|-----------|--------------------|--------------|
| 1 Chùa | 2 Nhà thờ | 3 Viện, Thiền viện | 4. Loại khác |
|--------|-----------|--------------------|--------------|

A3.2. Cơ sở tín ngưỡng

- | | | | |
|--------|-------|--------|--------------|
| 1 Đình | 2 Phủ | 3. Đền | 4. Loại khác |
|--------|-------|--------|--------------|

→ **Chuyển sang câu A5**

A4. Loại hình tôn giáo

- | | | |
|---------------------|-----------------------------------|---|
| 1 Phật giáo | 6 Tịnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam | 11 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo |
| 2 Công giáo | 7 Bửu sơn Kỳ hương | 12 Đạo Bà -La-Môn |
| | Giáo hội các Thánh hữu Ngày | |
| 3 Tin Lành | 8 sau của Chúa Giesu Kyto | 13 Hồi giáo |
| | (Mormon) | |
| 4 Cao Đài | 9 Tứ ân Hiếu nghĩa | 14 Minh lý đạo tam tông miếu |
| 5 Phật giáo Hoà Hảo | 10 Baha'i | |

A5. Cơ sở có được Nhà nước xếp hạng di tích không ?

1. Chưa được xếp hạng di tích → Chuyển sang mục B

2. Đã được xếp hạng di tích

- | | |
|---------------------|----------------------------------|
| 2.1 Di tích lịch sử | 2.3 Di tích lịch sử văn hóa |
| 2.2 Di tích văn hóa | 2.4 Di tích kiến trúc nghệ thuật |

3. Cấp công nhận

- | | |
|----------------|----------------------|
| 1 Cấp Quốc gia | 2 Cấp Tỉnh/Thành phố |
|----------------|----------------------|

MỤC B. CHÚC SẮC, NHÀ TU HÀNH

B1. Số người có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú thường xuyên tại cơ sở

B1.1 Tại thời điểm 01/01/2016

--

Người

Trong đó: Nữ

Người

B1.2 Tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: Người

Tên chỉ tiêu	Mã số	Tổng số
Tổng số	01	
Trong đó: - Chức sắc tôn giáo	02	
- Người nước ngoài	03	
- Nữ	04	
A. Phân theo nhóm tuổi		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	05	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	06	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	07	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	08	
5. Trên 60 tuổi	09	
B. Đã qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng		
- Chưa qua đào tạo	10	
- Đào tạo dưới 3 tháng	11	
- Sơ cấp và tương đương	12	
- Trung cấp và tương đương	13	
- Cao đẳng và tương đương	14	
- Đại học và tương đương	15	
- Thạc sỹ và tương đương	16	
- Tiến sỹ và tương đương	17	
- Trình độ khác (ghi rõ...)	18	

MỤC C. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ

C1. Tổng chi của cơ sở năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
Tổng chi	01	
Chia ra: - Chi phí điện, nước, chất đốt	02	
- Chi phí khác cho sinh hoạt hàng ngày	03	
- Chi đầu tư xây dựng mới, trùng tu, tôn tạo cơ sở	04	
- Chi cho hoạt động từ thiện	05	
- Các khoản chi khác	06	

C2. Tài sản cố định*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tên chỉ tiêu	Mã số	Ngày 31/12/2016	Ngày 01/01/2016
1. Nguyên giá tài sản cố định	01		
2. Giá trị khấu hao trong năm	02		X

C3. Diện tích của cơ sở

C3.1 Diện tích đất của cơ sở

 m2

C3.2 Diện tích đất đã xây nhà của cơ sở

 m2**MỤC D. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET**

- D1. Cơ sở có sử dụng máy tính không (Bao gồm máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)? 1 Có 2 Không
- D2. Cơ sở có bao nhiêu người thường xuyên sử dụng máy vi tính? Người
- D3. Cơ sở có kết nối mạng internet không? 1 Có 2 Không → Kết thúc phỏng vấn
- D4. Cơ sở có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không?
1 Có 2 Không → Kết thúc

Nếu có, ghi địa chỉ truy cập:

D5. Cơ sở có sử dụng internet để thực hiện những công việc nào dưới đây?

(Khoanh vào các lựa chọn thích hợp)

4ee

1. Gửi và nhận Email
2. Tìm kiếm thông tin
3. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tài liệu, học online...)
4. Trao đổi với các cơ quan, tổ chức khác
5. Mục đích khác (ghi rõ)

....., ngày tháng năm 2017

Điều tra viên**Người đứng đầu cơ sở**

- Họ và tên:

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Điện thoại:

- Ký tên: